**Phụ lục số 02**

**KẾT QUẢ RÀ SOÁT CÁC QUY ĐỊNH CÓ VƯỚNG MẮC TRONG HỆ THỐNG VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT[[1]](#footnote-1)**

*(Kèm theo Báo cáo số …../BC-STP ngày …/10/2024 của Sở Tư pháp tỉnh Lâm Đồng)*

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Tên văn bản** | **Quy định có**  **vướng mắc** | **Thuyết minh** | **Đề xuất hướng xử lý** | **Cơ quan rà soát, kiến nghị** | **Ghi chú** |
| 1 | Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 | Tại khoản 3 Điều 49 quy định về thẩm quyền tiếp nhận đăng ký môi trường đối với các dự án đầu tư, cơ sở sản xuất, kinh doanh là Ủy ban nhân dân cấp xã. | Đối với những dự án đầu tư, cơ sở sản xuất, kinh doanh tại các khu công nghiệp khi thực hiện đăng ký môi trường với Ủy ban nhân dân cấp xã sẽ phát sinh những vướng mắc, bất cập như sau:  - *Khu công nghiệp là khu vực có ranh giới địa lý xác định, chuyên sản xuất hàng công nghiệp và cung ứng dịch vụ cho sản xuất công nghiệp*[[2]](#endnote-1) và *Ban Quản lý khu công nghiệp là cơ quan trực thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thực hiện chức năng quản lý nhà nước trực tiếp đối với khu công nghiệp, khu kinh tế trên địa bàn tỉnh hoặc thành phố trực thuộc trung ương theo quy định tại Nghị định này và quy định khác của pháp luật có liên quan; quản lý và tổ chức thực hiện chức năng cung ứng dịch vụ hành chính công và dịch vụ hỗ trợ khác có liên quan đến hoạt động đầu tư và sản xuất, kinh doanh cho doanh nghiệp trong khu công nghiệp, khu kinh tế*[[3]](#endnote-2)*.* Như vậy chưa đảm bảo tính hợp lý về phạm vi chức năng quản lý nhà nước đối với khu công nghiệp cũng như khó khăn trong việc theo dõi, giám sát và kiểm tra việc thực hiện các nội dung mà chủ dự án, cơ sở sản xuất, kinh doanh cam kết thực hiện về bảo vệ môi trường tại khu công nghiệp.  - Chưa phù hợp với chủ trương về thực hiện giải quyết thủ tục hành chính đối với doanh nghiệp theo tiêu chí “Một cửa” khi mà phần lớn các TTHC khác được thực hiện tại Ban Quản lý khu công. | Bổ sung thẩm quyền cho Ban Quản lý khu công nghiệp thực hiện tiếp nhận đăng ký môi trường của các dự án đầu tư, cơ sở sản xuất, kinh doanh trong khu công nghiệp thuộc địa bàn giao quản lý. | Ban Quản lý các khu công nghiệp tỉnh Lâm Đồng |  |
| 2  2 | Luật An toàn thực phẩm năm 2010 | Luật ATTP năm 2010 và Nghị định số 15/2018/NĐ-CP ngày 02/02/2018 của Chính phủ quy định việc quản lý an toàn thực phẩm được phân theo nhóm do 03 ngành Y tế, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và Công Thương quản lý. Danh mục sản phẩm phân công 03 ngành quản lý được quy định lần lượt tại Phụ lục II, III và IV kèm theo Nghị định 15/2018/NĐ-CP ngày 02/02/2018 của Chính phủ | Một số nhóm sản phẩm/sản phẩm chưa có quy định cụ thể để phân biệt sản phẩm thuộc ngành nào quản lý. Cụ thể:  Tại mục II, Phụ lục IV, Nghị định 15/2018/NĐ-CP ngày 02/02/2018 của Chính phủ quy định: Nhóm sản phẩm rượu do ngành Công Thương quản lý nhưng riêng rượu bổ lại do ngành Y tế quản lý nhưng lại chưa có quy định để phân biệt rượu bổ và rượu thông thường;   * Tại khoản 2, mục IV, Phụ lục III, Nghị định 15/20218/NĐ-CP: Nước ép rau, củ quả do ngành Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quản lý nhưng nước ép rau, quả dạng nước giải khát do ngành Công Thương quản lý. Nhưng chưa có quy định phân biệt 02 loại nước ép này. | Đề xuất các Bộ: Y tế, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và Công Thương có hướng dẫn cụ thể để các địa phương có cơ sở triển khai thực hiện. | Sở Công Thương |  |
| 13  3 | Nghị định số 15/2018/NĐ-CP ngày 02/02/2018 của Chính phủ quy định việc quản lý an toàn thực phẩm |
| 4  4 | Nghị định số 134/2013/NĐ-CP ngày 17/10/2013 của Chính phủ  quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực điện lực, an toàn đập thủy điện, sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả | Điểm đ khoản 4 Điều 6 Nghị định số 134/2013/NĐ-CP (sửa đổi, bổ sung tại khoản 9 Điều 21 Nghị định số 17/2022/NĐ-CP) | Thông qua công tác xử lý vi phạm đối với các doanh nghiệp hoạt động thủy điện cũng như trao đổi, nắm bắt thông tin với các cơ quan chuyên môn thuộc tỉnh và các địa phương khác trong thời gian qua, Sở Công Thương ghi nhận hầu hết các cơ quan, địa phương đều lúng túng trong việc xử lý vi phạm hành chính đối với hành vi *“Đưa hạng mục công trình hoặc công trình điện lực vào vận hành, sử dụng khi chưa có văn bản chấp thuận kết quả nghiệm thu của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền theo quy định của pháp luật”* được quy định tại điểm đ khoản 4 Điều 6 Nghị định số 134/2013/NĐ-CP (sửa đổi, bổ sung tại khoản 9 Điều 21 Nghị định số 17/2022/NĐ-CP) | Kiến nghị Bộ Công Thương hướng dẫn triển khai thực hiện | Sở Công Thương |  |
| 5  5 | Nghị định số 17/2022/NĐ-CP của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực hóa chất và vật liệu; điện lực, an toàn đập thủy điện, sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả; hoạt động thương mại, sản xuất, buôn bán hàng giả, hàng cấm và bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng; hoạt động dầu khí, kinh doanh xăng dầu và khí |
| 6 | Nghị định số 122/2021/NĐ-CP ngày 28/12/2021 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực kế hoạch và đầu tư | Tại Điều 79 về thẩm quyền lập biên bản vi phạm hành chính | Tại điểm h khoản 2 Điều 68 Nghị định số 35/2022/NĐ-CP quy định Ban Quản lý khu công nghiệp thực hiện nhiệm vụ *kiểm tra, giám sát, đánh giá việc thực hiện mục tiêu đầu tư quy định tại Quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư, Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư, tiến độ góp vốn và triển khai dự án đầu tư.* Tuy nhiên, tại Điều 79 Nghị định số 122/2021/NĐ-CP không quy định công chức thuộc Ban Quản lý khu công nghiệp có thẩm quyền lập biên bản vi phạm hành chính nếu phát hiện hành vi vi phạm trong quá trình thực hiện nhiệm vụ kiểm tra trong lĩnh vực quản lý nhà nước về đầu tư. Điều này sẽ dẫn đến việc phát hiện, xử lý hành vi vi phạm hành chính không kịp thời và không phù hợp với quy định *Ban Quản lý khu công nghiệp là cơ quan trực thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thực hiện chức năng quản lý nhà nước trực tiếp đối với khu công nghiệp.* | Bổ sung thẩm quyền lập biên bản vi phạm hành chính đối với công chức Ban Quản lý khu công nghiệp trong lĩnh vực đầu tư | Ban Quản lý các khu công nghiệp tỉnh Lâm Đồng |  |
| 7  7 | Nghị định 81/2018/NĐ-CP ngày 21/5/2018 của Chính phủ quy định chi tiết Luật thương mại về hoạt động xúc tiến thương mại | Khoản 4 Điều 19 Nghị định 81/2018/NĐ-CP | Theo quy định hiện nay, khi thực hiện thủ tục Đăng ký hoạt động khuyến mại đối với chương trình khuyến mại mang tính may rủi thực hiện trên địa bàn 01 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, thương nhân phải thực hiện photo cung cấp các giấy tờvề chất lượng của hàng hóa khuyến mại. Tuy nhiên, số lượng các giấy tờ về chất lượng hàng hoá của một số thương nhân (như: Siêu thị, Trung tâm thương mại, Doanh nghiệp sản xuất, Doanh nghiệp phân phối..) là rất lớn, có chương trình khuyến mại từ vài trăm đến cả nghìn sản phẩm. Mặc khác, theo quy định tại khoản 2, Điều 5 Luật Chất lượng sản phẩm hàng hoá năm 2007: *“2. Quản lý chất lượng sản phẩm, hàng hóa* ***là trách nhiệm của người sản xuất, kinh doanh*** *nhằm bảo đảm an toàn cho người, động vật, thực vật, tài sản, môi trường; nâng cao năng suất, chất lượng và khả năng cạnh tranh của sản phẩm, hàng hóa Việt Nam.”*. Do đó, thương nhân phải có trách nhiệm tự đảm bảo chất lượng hàng hoá và việc photo cung cấp các giấy tờ về chất lượng của hàng hóa khi thực hiện chương trình khuyến mại là không cần thiết. | - Sửa đổi khoản 4 Điều 19 Nghị định 81/2018/NĐ-CP ngày 21/5/2018 của Chính phủ quy định chi tiết Luật thương mại về hoạt động xúc tiến thương mại, cụ thể: cắt giảm 01 thành phần hồ sơ *“ Bản sao không cần chứng thực giấy tờ về chất lượng của hàng hóa khuyến mại theo quy định của pháp luật.”*của thủ tục Đăng ký hoạt động khuyến mại đối với chương trình khuyến mại mang tính may rủi thực hiện trên địa bàn 01 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.  *-* Bổ sung khoản 9 Điều 19 Nghị định 81/2018/NĐ-CP ngày 21/5/2018 của Chính phủ quy định chi tiết Luật thương mại về hoạt động xúc tiến thương mại, cụ thể quy định: *“Yêu cầu điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Thương nhân đảm bảo chất lượng của hàng hóa khuyến mại theo quy định của pháp luật”.* | Sở Công Thương |  |
|  |  | Điều 8, điều 9, điều 10, điều 11 Nghị định số 81/2018/NĐ-CP | Kịp thời xem xét đơn giản hoá các thủ tục hành chính về hoạt động khuyến mại nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp khi thực hiện thủ tục hành chính và thuận lợi cho cơ quan quản lý nhà nước thực thi hiệu quả các quy định, cụ thể: Đối với các hình thức khuyến mại được quy định tại điều 8, điều 9, điều 10, điều 11 Nghị định số 81/2018/NĐ-CP.  Lý do, hiện nay, số lượng hồ sơ đối với 02 TTHC trên là quá lớn (trung bình mỗi năm tiếp nhận 35.000 hồ sơ), mỗi ngày Sở Công Thương phải tiếp nhận và giải quyết trên 300 hồ sơ, với số lượng hồ sơ phát sinh lớn do đó Sở Công Thương không kiểm soát việc thực hiện chương trình của doanh nghiệp, đồng thời doanh nghiệp tốn kém nhiều thời gian,chi phí trong việc nộp hồ sơ. | Đề nghị Bộ Công Thương xem xét sửa đổi theo hướng doanh nghiệp chịu trách nhiệm thực hiện và không cần gửi Thông báo hoạt động khuyến mại đến Sở Công Thương, nhằm giảm thiểu áp lực giải quyết thủ tục hành chính này tại Sở. | Sở Công Thương |  |
| 8 | Nghị định số 32/2024/NĐ-CP ngày 15/3/2024 của Chính phủ về phát triển, quản lý Cụm công nghiệp | Điểm b khoản 2 Điều 12 Nghị định số 32/2024/NĐ-CP quy định: *Nếu cụm công nghiệp có công trình hạ tầng kỹ thuật hình thành từ ngân sách nhà nước thì Ủy ban nhân dân cấp tỉnh giao cho chủ đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật được lựa chọn để quản lý, sửa chữa và vận hành phục vụ hoạt động chung của cụm công nghiệp. Kinh phí xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp từ ngân sách nhà nước không được tính vào giá cho thuê đất, giá sử dụng hạ tầng kỹ thuật chung của cụm công nghiệp; chi phí quản lý, sửa chữa, vận hành công trình hạ tầng kỹ thuật được tính vào giá sử dụng hạ tầng kỹ thuật chung của cụm công nghiệp. Trường hợp pháp luật chuyên ngành quy định nội dung này thì thực hiện theo pháp luật chuyên ngành* | Nghị định không quy định về giá trị bàn giao tài sản công (nguyên giá, hay giá trị còn lại) | Bộ Công Thương phối hợp với Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài Chính để quy định, hướng dẫn rõ hơn nội dung này, trên cơ sở đó các địa phương áp dụng thực hiện thống nhất trên phạm vi cả nước. | Sở Công Thương |  |

1. Tiêu chí sắp xếp: Theo nhóm vấn đề, lĩnh vực văn bản điều chỉnh.

   Thứ tự văn bản có hiệu lực pháp lý cao hơn đến văn bản có hiệu lực pháp lý thấp hơn; thứ tự thời gian ban hành văn bản từ văn bản được ban hành trước đến văn bản được ban hành sau. [↑](#footnote-ref-1)
2. Theo khoản 1 Điều 2 Nghị định số 35/2022/NĐ-CP ngày 28/5/2022 của Chính phủ [↑](#endnote-ref-1)
3. Theo khoản 1 Điều 67 Nghị định số 35/2022/NĐ-CP ngày 28/5/2022 của Chính phủ [↑](#endnote-ref-2)